

Số: 530b/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Công tác xã hội

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản mô tả Chương trình đào tạo đại học ngành Công tác xã hội, mã số: 760101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Công tác xã hội và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa CTXH.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Ban hành theo Quyết định số 530b/QĐ-HVTTNVN ngày 17 tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Công tác xã hội
- + Tên tiếng Anh: Social work
- + Mã số ngành đào tạo: 760101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo chuẩn khoá học: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo

Triết lý đào tạo cử nhân Công tác xã hội theo hướng “gắn lý thuyết với thực hành” nhằm thực hiện sứ mệnh của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, cung cấp nguồn cán bộ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị; đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu, cung cấp các luận cứ về khoa học và thực tiễn cho Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Triết lý giáo dục của chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội được thể hiện thông qua:

- Trong xây dựng chương trình đào tạo: Khi xây dựng chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội phải gắn với thực tiễn và yêu cầu của xã hội, kết hợp hài hòa và cân đối về số lượng các học phần và thời lượng giữa lý thuyết với thảo luận, thực hành. Thực hiện rà soát, đánh giá chương trình trên theo quy định của pháp luật và dựa trên cơ sở khảo sát ý kiến phản của sinh viên, của các cơ quan, đơn vị tuyển dụng nguồn nhân lực.

- Trong hoạt động dạy - học: Áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như: trực quan, phân tích và xử lý tình huống, khuyến khích tư duy phản biện; kết

hợp giữa lý thuyết với thảo luận, thực hành trên lớp và thực hành thường xuyên/môn học tại cơ sở. Đồng thời, một số môn học mời giảng viên thỉnh giảng là những người làm việc thực tế tại các cơ sở, viện nghiên cứu... đến trao đổi với sinh viên.

- Trong hoạt động nghiên cứu khoa học: Triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của đời sống nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể gắn với các nhóm đối tượng của công tác xã hội.

- Trong hoạt động thực hành nghề nghiệp: trong toàn bộ chương trình đào tạo, sinh viên được tham gia các hoạt động thực hành từ năm thứ nhất theo học phần và có các hoạt động thực hành thường xuyên, thực hành theo các học phần về phương pháp của công tác xã hội tại các cơ sở để nâng cao khả năng gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, củng cố và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trong tương lai.

2.2. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, trình độ và đạo đức, có kiến thức chuyên môn thực tế vững chắc, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết những vấn đề của bản thân và xã hội; nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến thanh thiếu nhi, có khả năng làm việc độc lập và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu công việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

2.3. Các mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào học tập và các hoạt động nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ và tin học.

PO2: Có kiến thức để trở thành nhân viên công tác xã hội trong tương lai với các phẩm chất như yêu nghề, có đạo đức nghề, có ý thức trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp.

PO3: Có kỹ năng trong can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng nhằm tăng năng lực tự giải quyết vấn đề của thân chủ, có kỹ năng làm việc nhóm, độc lập, có kỹ mềm để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; có khả năng tự học, nghiên cứu các lĩnh vực của công tác xã hội, phát triển ngành công tác xã hội trong tương lai.

PO4: Có kỹ năng tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công việc trong tương lai.

PO5: Đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề công tác xã hội

trong chuyên môn nghề nghiệp, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, phát triển nghề công tác xã hội trong tương lai.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam công bố đầu năm dương lịch.

- Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển và xét tuyển

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 250

- Chỉ tiêu: 150

- Hình thức đào tạo: Chính quy - tập trung

4. Chuẩn đầu ra

4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (KT)

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

PLO2: Vận dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, thống kê trong khoa học xã hội, kỹ năng mềm vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội.

PLO3: Phân tích và vận dụng được các kiến thức về lý thuyết công tác xã hội, hành vi con người và môi trường xã hội, tiến trình công tác xã hội, các chính sách xã hội, hệ thống dịch vụ xã hội, hệ thống phúc lợi xã hội... để trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết các vấn đề của bản thân và xã hội

PLO4: Vận dụng được các phương pháp, tiến trình công tác xã hội để hỗ trợ các cá nhân, nhóm, cộng đồng nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức về công tác xã hội để trợ giúp, can thiệp giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em và thanh thiếu niên.

4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (KN)

PLO6: Có kỹ năng nhận diện và giải quyết các vấn đề trong thực tế và công việc theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng mềm trong công việc, nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội.

PLO7: Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu khoa học vào nhận diện, lý giải, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công tác xã hội, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học đã được công bố vào thực hành công tác xã hội.

PLO8: Có khả năng lựa chọn biện pháp can thiệp phù hợp với từng đối tượng

dựa trên việc vận dụng các phương pháp đánh giá, áp dụng các biện pháp can thiệp cá nhân, nhóm, gia đình, cộng đồng để giải quyết các vấn đề nảy sinh.

PLO9: Có kỹ năng thu hút, vận động sự tham gia của cá nhân, nhóm, cộng đồng, kết nối nguồn lực trong thực hành và làm việc về lĩnh vực công tác xã hội; có kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng.

PLO10: Lập được các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và triển khai các hoạt động tự học tập. Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp học tập, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp của bản thân. Tự đánh giá và điều chỉnh bản thân trong quá trình phát triển nghề nghiệp.

PLO11. Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014

PLO12. Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ tin học văn phòng trình độ cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

4.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm (TC)

PLO13: Có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng; tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tinh thần trách nhiệm, tự giác học tập, nghiên cứu.

PLO14: Tự giác, tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức liên quan đến nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; chịu trách nhiệm về công việc được giao;

PLO15: Thực hiện tốt nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp: Xác định được những sai phạm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và đề xuất, lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề; Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Là cán bộ trong các cơ quan của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Là cán bộ, chuyên viên trong các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Là nhân viên xã hội, chuyên viên, nghiên cứu viên, cán bộ, kiểm huấn viên tại các cơ sở quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đào tạo, y tế, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế.

- Là giảng viên, nghiên cứu viên trong các lĩnh vực khác nhau như: sức khỏe, giáo dục, pháp luật, kinh tế, truyền thông, xã hội, văn hoá, môi trường...tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo có liên quan đến công tác xã hội.

- Là chuyên gia độc lập với vai trò là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, nhà

ngiên cứu, chuyên gia tư vấn về công tác xã hội.

Là chủ các cơ sở trợ giúp, cung cấp dịch vụ cho người yếu thế, thanh thiếu nhi có nhu cầu đặc biệt, tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, phục vụ cộng đồng

6. Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo

6.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Tổng số tín chỉ: 120 tín chỉ, chưa kể các học giáo dục thể chất (3 TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC).

- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

+ Giáo dục đại cương: 41 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 37 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ

+ Cơ sở ngành: 35 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 31 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ

+ Ngành và chuyên ngành (nếu có chuyên sâu): 44 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 40 tín chỉ, các học phần tự chọn là 4 tín chỉ;

- Tỷ lệ tín chỉ thực hành/ tổng số tín chỉ là: 58/120 (48,3%).

6.2. Khung chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (41 tín chỉ) - không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng			
1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1	CT1101	Triết học Mác - Lênin	3
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	CT1104	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.2. Khoa học xã hội (15 tín chỉ)			
6	XH1107	Xã hội học đại cương	2
7	TN1116	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3
8	TN1117	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2

9	L1109	Pháp luật đại cương	2
10	XH1106	Tâm lý học đại cương	2
11	XH1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
12	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2
1.3 Ngoại ngữ (6 tín chỉ)			
13	CB1114	Tiếng Anh 1	3
14	CB1115	Tiếng Anh 2	3
1.4. Tin học - Khoa học tự nhiên (5 tín chỉ), giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh			
15	CB1113	Tin học đại cương	3
16	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2
	CB1121	Giáo dục thể chất	3
	CB1122	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8
1.5. Các học phần tự chọn (Chọn 2/4 học phần; 4/8 tín chỉ)			
17	CB1117	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
18	CT1120	Logic học đại cương	2
19	TN1118	Vũ quốc tế	2
20	XH1119	Giới và phát triển	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (79 tín chỉ)			
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (33 tín chỉ)			
2.1.1 Kiến thức bắt buộc (29 tín chỉ)			
21	XH12021	Nhập môn Công tác xã hội	2
22	XH12022	Lý thuyết Công tác xã hội	2
23	XH12023	Chính sách xã hội	2
24	XH12024	Đạo đức nghề công tác xã hội	2
25	XH12025	An sinh xã hội	2
26	TL12027	Tham vấn cơ bản	2
27	XH12027	Hành vi con người và môi trường xã hội	2
28	XH12028	Truyền thông trong công tác xã hội	2
29	XH12029	Sức khỏe tâm thần	2

30	XH12030	Công tác xã hội với trẻ em	2
31	XH12031	Công tác xã hội trường học	2
32	TL12035	Kỹ năng mềm	3
33	CB12035-XH	Tiếng Anh 3	2
34	XH12034	Quyền trẻ em và sự tham gia của trẻ em	2
2.1.2 Kiến thức tự chọn (chọn 2/4 học phần, 4/8 tín chỉ)			
35	TL12033	Tâm lý học trường học	2
36	TL12028	Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện cho thanh thiếu niên	2
37	TL13039	Tâm lý học truyền thông	2
38	XH12039	Giáo dục học đại cương	2
2.2. Kiến thức của ngành (27 tín chỉ)			
2.2.1. Kiến thức bắt buộc (23 tín chỉ)			
39	XH13040	Công tác xã hội cá nhân	2
40	XH13041	Công tác xã hội nhóm	2
41	XH13042	Phát triển cộng đồng	3
42	XH13043	Quản trị công tác xã hội	2
43	XH13044	Công tác xã hội với người cao tuổi	2
44	TL13045	Tham vấn trẻ em	2
45	XH13045	Công tác xã hội trong bệnh viện	2
46	XH13046	Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	2
47	XH13047	Công tác xã hội với người khuyết tật	2
48	TL13048	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất	2
49	XH13049	Công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích	2
2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 2/6 môn, 4/12 tín chỉ)			
50	XH13050	Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân bị mua bán	2
51	XH13051	Công tác xã hội với người nghèo	2
52	XH13052	Công tác xã hội với người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	2

53	TL13051	Tham vấn cho thanh thiếu niên sang chấn và khủng hoảng tâm lý	2
54	XH13054	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu nhi	2
55	XH13055	CTXH với cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới	2
2.3. Thực tập nghề nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Khóa luận và tương đương (19 tín chỉ)			
56	XH14056	Thực hành Công tác xã hội cá nhân	3
57	XH14057	Thực hành Công tác xã hội nhóm	3
58	XH14058	Thực hành phát triển cộng đồng	3
59	XH14059	Thực tập tốt nghiệp	4
60	XH15060	Khóa luận/Các học phần thay thế khóa luận	6

6.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1-2)

HỌC KỲ 1			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Không
2	Pháp luật đại cương	2	Không
3	Nhập môn Công tác xã hội	2	Không
4	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	Không
5	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	Không
6	Tin học đại cương	3	Không
Tổng		14	
HỌC KỲ 2			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Triết học Mác-Lênin	3	Không
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
3	Tâm lý học đại cương	2	Không
4	Xã hội học đại cương	2	Không
5	Đạo đức nghề CTXH	2	Nhập môn công tác xã hội

6	An sinh xã hội	2	Nhập môn CTXH
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
8	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành	2	Không
Tổng		17	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3-4)

HỌC KỲ 3			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Triết học Mác-Lênin
2	Thống kê trong khoa học xã hội	2	Không
3	Công tác xã hội cá nhân	2	Không
4	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	Tâm lý học đại cương
5	Quyền trẻ em và sự tham gia của trẻ em	2	Nhập môn công tác xã hội
6	Chính sách xã hội	2	Không
7	Tham vấn cơ bản	2	Không
8	Tiếng Anh 1	3	Không
Tổng		17	
HỌC KỲ 4			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Triết học Mác-Lênin
2	Công tác xã hội với trẻ em	2	Công tác xã hội cá nhân
3	Tham vấn trẻ em	2	Tham vấn cơ bản
4	Tiếng Anh 2	3	Tiếng Anh 1
5	Lý thuyết công tác xã hội	2	Nhập môn công tác xã hội
6	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương	2	Không
7	Kỹ năng mềm	3	Không
8	Thực hành công tác xã hội cá nhân	3	Công tác xã hội cá nhân
Tổng		19	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5-6)

HỌC KỲ 5			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Công tác xã hội trường học	2	Nhập môn công tác xã hội
2	Tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh 2
3	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên
4	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	Công tác xã hội cá nhân
5	Công tác xã hội nhóm	2	Nhập môn công tác xã hội
6	Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	2	Công tác xã hội cá nhân
7	Sức khỏe tâm thần	2	Hành vi con người và môi trường xã hội
8	Thực hành công tác xã hội nhóm	3	Công tác xã hội nhóm
Tổng		17	
HỌC KỲ 6			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Công tác xã hội trong bệnh viện	2	Nhập môn công tác xã hội
2	Phát triển cộng đồng	3	Nhập môn công tác xã hội
3	Truyền thông trong công tác xã hội	2	Nhập môn công tác xã hội
4	Công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích	2	Công tác xã hội cá nhân; Công tác xã hội nhóm
5	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành	2	Không
6	Thực hành phát triển cộng đồng	3	Phát triển cộng đồng
Tổng		14	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7-8)

HỌC KỲ 7			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	Không
2	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất	2	Tham vấn cơ bản
3	Quản trị công tác xã hội	2	Nhập môn công tác xã hội
4	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương	2	Không
5	Chọn 02 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành	4	Không
Tổng		12	
HỌC KỲ 8			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Thực tập tốt nghiệp	4	Hoàn thành kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 03 học phần trong khối kiến thức tự chọn	6	Theo đề cương học phần
Tổng		10	

6.4. Về tổ chức đào tạo tiếng Anh

Theo Quy định của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

6.5. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Cụ thể:

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a. Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh; các học phần Giáo dục thể chất; chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định của Học viện;

d. Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ. Tại thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

d. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Giám đốc Học viện quy định;

e. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Hằng năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp cho các sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được uỷ quyền làm Chủ tịch, Phó Giám đốc làm Phó Chủ tịch, phòng Đào tạo làm Thư ký; thành viên là các trưởng khoa và Phó trưởng phòng Đào tạo phụ trách công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ với Học viện.

7. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

Nhiều phương pháp giảng dạy và học tập (Teaching and Learning Methods - TLMs) khác nhau được áp dụng để tạo cho sinh viên có cơ hội thực hành các kiến thức đã học nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Các phương pháp truyền thống vẫn được phát huy như thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu và đóng vai trình huống... Các phương pháp này phát huy tính tích cực, khả năng tư duy sáng tạo của người học, kỹ năng phản biện của người học.

Bên cạnh các phương pháp giảng dạy truyền thống thì các phương pháp giảng dạy hiện đại khác được thực hiện như dạy học theo dự án, hướng dẫn sv báo cáo chuyên đề theo nhóm, mời các chuyên gia ở cơ sở thực hành giảng dạy chuyên đề, thực hành thường xuyên... và các phương pháp có sử dụng công cụ hỗ trợ trực tuyến.

Để hỗ trợ cho việc tự học của sinh viên, GV của khoa cũng triển khai các phần mềm (zoom, google meet, padlet...), công cụ hỗ trợ trực tuyến để giúp thuận lợi trong quá trình kiểm tra giám sát người học và giúp SV có thể khai thác được kho học liệu hiệu quả.

STT	Phương pháp dạy học	Mô tả
1	Phương pháp thuyết giảng	Thuyết giảng là phương pháp dạy - học bằng lời nói của giảng viên để trình bày kiến thức mới, tổng kết những kiến thức mà sinh viên đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Phương pháp này cho phép giảng viên truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà sinh viên khó tự tìm hiểu được một cách sâu sắc. Phương pháp thuyết giảng được sử dụng chủ yếu trong giờ học lý thuyết và được đan xen với các phương pháp giảng dạy khác để đạt được hiệu quả truyền đạt cao nhất.
2	Phương pháp bài tập	Bài tập là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên giao bài tập cho sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập. Bài tập có thể là những câu hỏi vận dụng lý thuyết đã học để giúp cho sinh viên củng cố kiến thức hoặc yêu cầu nghiên cứu một hoặc một vài chủ đề thuộc nội dung đã học hoặc sẽ học trong giờ lên lớp tiếp theo. Bài tập có thể được thiết kế dưới dạng tình huống giả định, trắc nghiệm, câu hỏi tự luận để kích thích sự hào hứng của sinh viên.
3	Phương pháp làm việc nhóm	Làm việc nhóm là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên tổ chức sinh viên thành các nhóm nhỏ (5-7 người) hoặc sinh viên tự tổ chức các nhóm học tập để ôn tập, nghiên cứu, làm bài tập... Mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập, vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập. Phương pháp làm việc nhóm đề cao tinh thần hợp tác, khả năng tổ chức, điều hành, phát triển nhóm, hình thành thái độ chuyên nghiệp khi làm việc tập thể, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho sinh viên; giúp cho giảng viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.
4	Phương pháp thảo luận	Thảo luận là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa sinh viên với nhau hoặc giữa sinh viên với giảng viên hoặc cả hai cách thức trên nhằm huy động trí tuệ của sinh viên để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp sinh viên khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp phát triển khả năng trao đổi,

		trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.
5	Phương pháp thực hành	Thực hành là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên làm mẫu và giải thích từng bước thực hiện một công việc cụ thể; sinh viên bắt chước làm theo, thực hiện với tài liệu hướng dẫn, thực hiện thành thạo và sáng tạo. Phương pháp này củng cố trí nhớ, tinh lọc và trau chuốt các kỹ năng đã học, tạo cơ sở cho việc xây dựng kỹ năng nhận thức ở mức độ cao hơn.
6	Phương pháp nghiên cứu tình huống	Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy - học trong đó giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống cụ thể, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như tăng tính thực tiễn của môn học, nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của sinh viên. Khi thực hiện phương pháp này, giảng viên có thể chia lớp học theo các nhóm quan điểm và đề nghị các nhóm phản biện, bảo vệ quan điểm trong khi giảng viên đóng vai trò trọng tài. Kết thúc phần nghiên cứu tình huống, giảng viên có thể nêu quan điểm của mình và giải đáp những vấn đề mà các nhóm/cá nhân đưa ra liên quan đến tình huống. Đề tăng tính thực tiễn, giảng viên có thể sử dụng bản án để thực hiện phương pháp dạy - học này.
7	Phương pháp vấn đáp	Vấn đáp là phương pháp hỏi đáp trong dạy học, trong đó giảng viên đặt ra câu hỏi, kích lệ và gợi mở để sinh viên dựa vào kiến thức đã học mà trả lời nhằm rút ra những kiến thức mới hoặc củng cố kiến thức cũ. Phương pháp này phát huy sự tiếp thu một cách chủ động, tích cực, sáng tạo của sinh viên bằng cách yêu cầu họ phải vận dụng các thao tác logic trong tư duy. Phương pháp vấn đáp trong dạy - học ngành luật phải hướng tới sự đàm thoại hai chiều, hình thành tư duy phản biện độc lập, biết cách lập luận và bảo vệ quan điểm, hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng, lời cuốn và tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học.
8	Phương pháp tự học	Tự học là hình thức tổ chức dạy - học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng

		thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.
9	Phương pháp thực tập	Thực tập là phương pháp dạy - học trong đó người học thực hiện một hoặc một nhóm công việc cụ thể tại một đơn vị sử dụng lao động, người phụ trách thực tập quan sát, hướng dẫn và nhận xét chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc của người học. Thực tập tạo cơ hội cho người học áp dụng những kiến thức đã học trong trường, tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn công việc pháp lý, qua đó rèn luyện kỹ năng nghề luật, góp phần hình thành định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân. Trong tổ chức phương pháp thực tập, sinh viên luật được đăng ký đi thực tập tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp như các cơ quan nhà nước tại trung ương và địa phương, hệ thống Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công ti, văn phòng luật sư, công chứng, thừa phát lại, bộ phận pháp chế của ngân hàng, doanh nghiệp, các tổ chức khác có thực hiện công việc pháp lý... Sinh viên tổng hợp hoạt động thực tập của mình thành nhật ký và viết báo cáo thực tập để nhà trường kiểm tra, đánh giá.

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	10%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	
	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến	

4		thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thuyết trình.	20%
5	Bài thi kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập tình huống). Thời gian: 90 phút	60%

8. Đội ngũ giảng viên, nhân viên

Các Khoa Bộ môn: Học viện thành lập đảm bảo đủ các khoa, bộ môn để tổ chức giảng dạy các học phần thuộc kiến thức đại cương, tối thiểu khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng chương trình đào tạo (tính theo giờ chuẩn của giảng viên), trong đó mỗi bộ môn/khoa có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu; ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

- Học viện đảm bảo đủ các phòng học lý thuyết, phòng thực hành đáp ứng mục tiêu các học phần. Học viện ký biên bản hợp tác với các cơ quan, đơn vị để gửi sinh viên đến thực hành, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Thư viện của Học viện có diện tích 750m², trong đó:

- Diện tích phòng đọc: 265m²
- Số chỗ ngồi: 60 ghế
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 04 máy, có kết nối Internet
- Phần mềm quản lý thư viện: Ilibme
- Phần mềm tra cứu văn bản: Cloud Office
- Số lượng sách, giáo trình các loại: 58.611 cuốn
- Số đầu giáo trình dùng cho chương trình đào tạo: 119 cuốn

10. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Học phần (Tên Tiếng Việt, Tên Tiếng Anh, Mã học phần)	Mô tả học phần tóm tắt học phần
1	Triết học Mác-Lênin	Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh

	Marxist-Leninist philosophy Mã HP: CT1101	viên các kiến thức: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác - Lênin; xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Marxist-Leninist political economy Mã HP: CT1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Science socialism Mã HP: CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam Mã HP: CT1104	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến nay).
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology Mã HP: CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
6	Xã hội học đại cương Sociology	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về Xã hội học đại cương gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các

	Mã HP: XH1107	môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Đồng thời cung cấp cho người học các phương pháp nghiên cứu xã hội học và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, từ đó giúp cho người học có thể thiết kế và xây dựng được bảng câu hỏi phục vụ cho đề tài nghiên cứu; Môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt như: Xã hội học thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.
7	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên Theory and methodology of youth work Mã HP: TN1116	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thanh thiếu niên. Môn học bao gồm 5 chương, cụ thể: Chương 1: Nhập môn Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội; Chương 2: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên; Chương 3: Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chương 4: Những vấn đề cơ bản về Hội LHTN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam; Chương 5: Những vấn đề cơ bản về Đội TNTP Hồ Chí Minh.
8	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên Youth activities organizing skills Mã HP: TN1117	Nghịệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cơ bản về: Nghịệp vụ công tác giáo dục, nghịệp vụ công tác tổ chức, nghịệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, nghịệp vụ công tác văn phòng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Nghịệp vụ công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên; Nghịệp vụ công tác thiếu niên. Qua đó, cung cấp kiến thức cơ bản, hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.
9	Pháp luật đại cương General Law Mã HP: L1109	Pháp luật đại cương là một môn khoa học cơ sở, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.
10	Tâm lý học đại cương General psychology Mã HP: XH1106	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của tâm lý học: đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; Đặc điểm, bản chất, phân loại hiện tượng tâm lý, các khái niệm cơ bản như hoạt động, giao tiếp, tâm lý, ý thức, vô thức, chú ý; Những vấn đề về hoạt động nhận thức con người với các mức độ từ nhận thức cảm tính, trí nhớ tới nhận thức lí tính, ngôn ngữ. Đồng thời học phần còn giúp sinh viên hiểu biết về đời sống xúc cảm, tình cảm, các mức độ và quy luật của xúc cảm, tình cảm, ý chí và hành động có ý chí; Những vấn đề về nhân cách với đặc điểm, cấu trúc, các thuộc tính tâm lí của nhân cách và đặc điểm phát triển nhân cách.

		Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về tâm lý người. Đây là nội dung quan trọng để sinh viên có được những hiểu biết khi làm việc với con người.
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research methods Mã HP: XH1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn khoa học, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Bản chất của khoa học và nghiên cứu khoa học; Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học; Phương pháp lựa chọn đề tài khoa học và thực hiện khóa luận tốt nghiệp đại học
12	Khởi nghiệp trong thanh niên Start-up among youth Mã HP: CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.
13	Tiếng Anh 1 English 1 Mã HP: CB1114	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
14	Tiếng Anh 2 English 2 Mã HP: CB1115	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng linh hoạt và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.

15	Tin học đại cương Introduction to Informatics Literacy Mã HP: CB1113	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.
16	Thống kê trong khoa học xã hội Statistics for social sciences Mã HP: CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam Fundamentals of Vietnamese culture Mã HP: CB1117	Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam (từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ).
18	Logic học đại cương General logics Mã HP: CT1120	Logic học đại cương là học phần tự chọn cung cấp những kiến thức cơ bản về các hình thức và quy luật của tư duy hướng vào việc nhận thức đúng đắn hiện thực; đảm bảo cho tư duy nắm bắt ngày càng đầy đủ và chính xác về thế giới khách quan, từ đó xây dựng thành các nguyên tắc chung áp dụng cho mọi quá trình cụ thể của tư duy.
19	Vũ quốc tế Physical education (International dancing) Mã HP: CB1118	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng

		cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.
20	Giới và phát triển Gender development Mã HP: XH1119	Học phần Giới và phát triển sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về giới, bình đẳng giới, mối quan hệ giới và phát triển, lịch sử hình thành của khoa học giới, một số lĩnh vực cần phân tích và xem xét các vấn đề giới, nhằm làm rõ các nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng giới trong thực tiễn ở Việt Nam và thế giới. Qua đó, xác định được các nội dung và biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới thực chất. Đồng thời, giới thiệu phương pháp lồng ghép giới và hướng dẫn cách thức thực hiện lồng ghép giới vào từng bước của chu trình xây dựng và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, giúp người học tiếp cận một phương pháp lồng ghép giới hữu hiệu đã được thực tiễn thế giới và Việt Nam thừa nhận, giúp sinh viên tự thay đổi thái độ và hành động về bình đẳng giới ngay trong bản thân và gia đình của mình.
21	Nhập môn Công tác xã hội Introduction to social work Mã HP: XH12021	Học phần cung cấp cho người học khái quát chung hệ thống kiến thức về công tác xã hội. Sinh viên nhận thức được mối quan hệ của công tác xã hội với một số lĩnh vực và các thành tố của công tác xã hội, qua đó hiểu được các đối tượng trợ giúp của ngành công tác xã hội, nghề và lịch sử phát triển của nghề này trên thế giới và Việt Nam. Giúp hình thành ở sinh viên kiến thức, kỹ năng tác nghiệp với các lĩnh vực và đối tượng cụ thể. Ngoài ra, sinh viên nhận thức được nơi làm việc của nhân viên công tác xã hội, cũng như các tổ chức, cơ quan trong và ngoài nước thực hành công tác xã hội.
22	Lý thuyết Công tác xã hội Social work theory Mã HP: XH12022	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các lý thuyết trong Công tác xã hội: khái niệm, vai trò, đặc điểm của lý thuyết CTXH; cơ sở kết nối giữa lý thuyết và thực hành CTXH; nội dung chính của một số lý thuyết CTXH. Đồng thời giúp người học có thể phân tích ứng dụng của lý thuyết trong thực hành CTXH cá nhân, CTXH nhóm và phát triển cộng đồng. Từ đó người học hình thành tư duy khoa học về các vấn đề xã hội, có khả năng vận dụng lý thuyết đã học một cách linh hoạt trong nghiên cứu, thực hành công tác xã hội.
23	Chính sách xã hội Social policy Mã HP: XH12023	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chung về chính sách xã hội: khái niệm, đối tượng, chức năng, hệ thống các chính sách xã hội, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành hệ thống chính sách xã hội ở Việt Nam, sự hình thành và phát triển của chính sách xã hội và mối quan hệ của chính sách xã hội với các ngành khoa học khác; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hoạch định chính sách xã hội; Vận dụng được một số chính sách xã hội cơ bản hiện nay ở Việt Nam vào các tình huống cụ thể; Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức thực hiện chính sách xã hội và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong thực hiện chính sách xã hội.
24	Đạo đức nghề CTXH Social work ethics	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đạo đức nghề công tác xã hội bao gồm: những vấn đề chung

	Mã HP: XH12024	về đạo đức nghề công tác xã hội như khái niệm, mục đích, vai trò, nội dung đạo đức nghề công tác xã hội, văn bản quy định đạo đức nghề công tác xã hội; Đạo đức nghề công tác xã hội của một số nước trên thế giới; Các kiến thức về trách nhiệm và mối quan hệ nghề nghiệp công tác xã hội và nội dung đạo đức nghề công tác với một số đối tượng. Trên cơ sở những nội dung được trang bị, sinh viên có ý thức trong học tập, nghiên cứu, trau dồi kiến thức, kỹ năng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức cần có của nhân viên Công tác xã hội
25	An sinh xã hội Social security Mã HP: XH12025	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an sinh xã hội bao gồm các khái niệm, khuôn khổ lý thuyết về an sinh xã hội, lịch sử hình thành an sinh xã hội, mô hình an sinh xã hội ở một số nước trên thế giới. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình an sinh xã hội Việt Nam, chính sách an sinh xã hội với một số nhóm đối tượng cụ thể: người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em, đối tượng mại dâm, người nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS.
26	Tham vấn cơ bản General counseling Mã HP: TL12027	Môn học tham vấn cơ bản cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn; đối tượng, mục đích, nhiệm vụ của tham vấn và mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ trong tham vấn. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn. Hình thành ở sinh viên qui trình tham vấn trong trường hợp cụ thể. Giúp sinh viên có thể thực hành kỹ năng tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm trong các tình huống tham vấn. Sinh viên được áp dụng những kiến thức, lý thuyết, quy trình, kỹ năng tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn gia đình.
27	Hành vi con người và môi trường xã hội Human behavior and social environment Mã HP: XH12027	Học phần Hành vi con người và môi trường xã hội sẽ cung cấp những nội dung chính gồm: Vấn đề cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội như khái niệm về hành vi con người, phân loại hành vi, cơ sở sinh học và cơ sở xã hội của hành vi; mối quan hệ giữa nhận thức, thái độ và hành vi của con người; Khái niệm môi trường và phân loại môi trường; Các lý thuyết tiếp cận giải thích hành vi của con người sẽ giúp sinh viên lý giải được hành vi của con người ở nhiều góc độ khác nhau. Môn học đề cập đến mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người ở các giai đoạn phát triển từ sơ sinh đến người cao tuổi và môi trường xã hội. Bên cạnh đó, môn học nói đến những vấn đề thực tiễn về môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và hành vi con người Việt Nam.
28	Truyền thông trong CTXH Social work communications Mã HP: XH12028	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về truyền thông và truyền thông trong công tác xã hội; vai trò của truyền thông đối với các hoạt động trợ giúp của công tác xã hội. Sinh viên vận dụng được kỹ năng truyền thông, thiết kế thông điệp truyền thông trong hoạt động công tác xã hội, góp phần thực hiện hiệu quả các hoạt động trợ giúp của công tác xã hội.

29	Sức khỏe tâm thần Mental health Mã HP: XH12029	Môn học cung cấp những nội dung chính gồm: những vấn đề chung về sức khỏe tâm thần, với các khái niệm cơ bản, diễn giải và phân tích các yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần (như xã hội, văn hóa, kinh tế, v.v.). Đồng thời, môn học cũng giới thiệu sơ lược về các rối loạn tâm thần, với những con số tỷ lệ dịch tễ cụ thể. Người học được giới thiệu và thực hành tìm hiểu về nội dung và hình thức, so sánh các hệ thống tiêu chí chẩn đoán rối loạn tâm thần trong ICD và DSM. Môn học cung cấp những kiến thức, thông tin cơ bản về cơ sở pháp lý của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần như quyền con người và các chính sách liên quan trên thế giới và tại Việt Nam.
30	Tâm lý học trường học School Psychology Mã HP: TL12033	Học phần Tâm lý học trường học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành trong Tâm lý học trường học. Xem xét nhiệm vụ, chức năng của chuyên viên tâm lý học đường trong môi trường học đường. Đưa ra các mô hình tâm lý học trường học của một số nước trên thế giới và Việt Nam. Tìm hiểu hệ thống phẩm chất, năng lực và các nguyên tắc đạo đức nghề; Các kỹ năng, quy trình hỗ trợ và các hoạt động phòng ngừa trong TLHTH.
31	Công tác xã hội trường học School social work Mã HP: XH12031	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về Công tác xã hội trong trường học: khái niệm, vai trò, chức năng, đối tượng của công tác xã hội trường học; Vai trò và những yêu cầu của nhân viên công tác xã hội trường học; Hệ thống trường học và một số vấn đề liên quan đến trường học hiện nay. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức về thực hành công tác xã hội trong trường học: Vai trò, hoạt động của nhân viên công tác xã hội trường học; Quy trình hỗ trợ học sinh có vấn đề trong trường học.
32	Kỹ năng mềm Soft skills Mã HP: TL12035	Học phần Kỹ năng mềm giúp sinh viên hình thành năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc cung cấp những kiến thức, thực hành kỹ năng cơ bản và thái độ chuyên nghiệp. Những kỹ năng được đề cập đến trong học phần bao gồm các nhóm kỹ năng cơ bản: nhóm kỹ năng phát triển bản thân; nhóm kỹ năng phát triển nghề nghiệp và nhóm kỹ năng tương tác xã hội. Bên cạnh những kỹ năng người học có thể áp dụng trong hoạt động học tập, xử lý tình huống cuộc sống thì học phần cũng hướng tới việc sinh viên có thể thích ứng với ngành học thông qua các tình huống, ví dụ thực tiễn.
33	Tiếng Anh 3 English 3 Mã HP: CB12035 -XH	Môn học tập trung vào các nội dung kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội và các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. Các chủ đề chính bao gồm: The competent social worker (Nhân viên công tác xã hội có năng lực), Gender equality (Bình đẳng giới), Mental health (Sức khỏe tâm thần), Healthcare (Chăm sóc sức khỏe), Child welfare, (Phúc lợi trẻ em), Families (Gia đình), Social policy and social security (Chính sách xã hội và an sinh xã hội), Social services (Dịch vụ xã hội), Child abuse (Lạm dụng trẻ em) và Crisis intervention (Can thiệp khủng hoảng). Ngoài

		ra, sinh viên còn được tiếp cận với nhiều chủ đề hữu ích, quen thuộc khác trong lĩnh vực Công tác xã hội học ở các bài học mở rộng (phần tự học). Các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy độc lập, logic, tích cực và năng động được chú trọng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, dịch.
34	Quyền trẻ em và sự tham gia của trẻ em Child rights and child participation Mã HP: XH12034	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến cơ bản về quyền trẻ em được quy định trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em của Liên hợp quốc và các văn bản Pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em; sự tham gia của trẻ em. Ngoài ra, học phần cung cấp những công cụ và phương pháp cơ bản giúp sinh viên nhận diện được hành vi vi phạm quyền trẻ em và tình hình thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam. Đồng thời xác định rõ các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc thực hiện quyền trẻ em.
35	Tham vấn trẻ em Child counseling Mã HP: TL13045	Học phần tham vấn trẻ em cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về tham vấn trẻ em bao gồm: khái niệm tham vấn trẻ em, vấn đề của trẻ, mục đích, vai trò, nguyên tắc đạo đức trong tham vấn trẻ em, một số lý thuyết áp dụng trong tham vấn trẻ em. Môn học giúp sinh viên hiểu về qui trình tham vấn trẻ em, hình thành một số kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong tham vấn trẻ em. Ở học phần Tham vấn cơ bản, sinh viên đã được học về quy trình và kỹ năng tham vấn nói chung và đến học phần Tham vấn trẻ em, sinh viên sẽ được học về quy trình và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn đặc trưng dành cho đối tượng là trẻ em. Phần cuối cùng của học phần giới thiệu đặc điểm của một số đối tượng trẻ em điển hình trong lĩnh vực CTXH và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn cho nhóm trẻ này, bao gồm: Trẻ nghiện game/ internet; trẻ nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV; trẻ lang thang; trẻ vi phạm pháp luật.
36	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu nhi Social work in youth mental health care Mã HP: XH12054	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức tổng quan về chăm sóc sức khỏe tâm thần nói chung và chăm sóc sức khỏe tâm thần thanh thiếu nhi nói riêng. Đồng thời, môn học cũng cung cấp kiến thức về luật pháp, chính sách, mạng lưới và chương trình hỗ trợ sức khỏe tâm thần cho trẻ em và thanh thiếu nhi. Trên cơ sở đó, người học có khả năng thực hiện được các nhiệm vụ và hoạt động của nhân viên CTXH trong chăm sóc SKTT cho thanh thiếu nhi.
37	Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện cho thanh thiếu niên Comprehensive gender and sex education for youth Mã HP: TL12028	Học phần Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện cho thanh thiếu niên cung cấp cho người học những kiến thức về sự phát triển tâm lý, thể chất và tình dục. Bên cạnh đó người học cũng được trang bị các kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để giúp trẻ em và thanh thiếu niên nhận thức được sức khỏe, lợi ích và giá trị của con người và của bản thân mình. Người học sẽ biết cách giáo dục, trang bị kiến thức, kỹ năng và giúp thanh thiếu niên hình thành các mối quan hệ xã hội và quan hệ tình dục tôn trọng lẫn nhau, nhận thức được lựa chọn của mình ảnh hưởng tới bản thân và người khác như thế nào; nhận thức cũng như đảm bảo việc

		bảo vệ quyền lợi của mình trong suốt cuộc đời.
38	Tâm lý học truyền thông Social media psychology Mã HP: TL13039	Học phần “Tâm lý học truyền thông” gồm có 3 chương. Chương 1 giới thiệu cho sinh viên những kiến thức khái quát về khái niệm, mục đích, đối tượng, vai trò và nhiệm vụ của môn học; Sự tác động của các hình thức truyền thông tới cuộc sống của con người và các lý thuyết tâm lý ứng dụng trong truyền thông. Sinh viên sẽ khám phá và trải nghiệm những ảnh hưởng của phương tiện truyền thông đến cách con người tiếp thu kiến thức và thay đổi hành vi, thái độ. Chương 2 lý giải sự tác động của truyền thông tới tâm lý của con người trên một số mặt cạnh như tình dục, bạo lực, âm nhạc, thể thao, chân dung nhóm, văn hóa, chính trị. Chương 3 sinh viên sẽ được hướng dẫn thực hành phân tích tác động của truyền thông tới đời sống tâm lý con người trong một số lĩnh vực cụ thể.
39	Giáo dục học đại cương General pedagogy Mã HP: XH12039	Nội dung học phần Giáo dục học đại cương bao gồm hệ thống kiến thức chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, con đường giáo dục và nguyên lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân; hệ thống kiến thức chung về giáo dục như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.
40	Công tác xã hội cá nhân Social work with individuals Mã HP: XH13040	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công tác xã hội cá nhân bao gồm: những kiến thức chung về công tác xã hội cá nhân (khái niệm, mục đích của công tác xã hội cá nhân, vai trò, chức năng của nhân viên công tác xã hội trong công tác xã hội cá nhân); Kiến thức về tiến trình công tác xã hội cá nhân và các kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội cá nhân. Trên cơ sở những kiến thức và kỹ năng được trang bị, sinh viên có ý thức trong việc trợ giúp cá nhân giải quyết các vấn đề gặp phải.
41	Công tác xã hội nhóm Group social work Mã HP: XH13041	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhóm, năng động nhóm, các giai đoạn phát triển nhóm; lịch sử phát triển, các lý thuyết ứng dụng, các mô hình, loại hình nhóm, tiến trình trong công tác xã hội nhóm và vai trò của nhân viên công tác xã hội. Từ đó, người học có khả năng nghiên cứu, vận dụng phân tích các vấn đề trong nhóm, đồng thời có kỹ năng cơ bản và ứng dụng trong thực hành công tác xã hội nhóm.
42	Phát triển cộng đồng Community development Mã HP: XH13042	Học phần Phát triển cộng đồng sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng bao gồm: một số vấn đề cơ bản về phát triển cộng đồng như khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng, các bước trong tiến trình phát triển cộng đồng, các công cụ sử dụng trong phát triển cộng đồng, nghề tác viên phát triển cộng đồng (phẩm chất, vai trò của tác viên phát triển cộng đồng và một số nội dung của nghề tác viên phát triển cộng đồng); các kiến thức về qui trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng. Có ý thức quan tâm tới việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng.

43	Quản trị công tác xã hội Social work administration Mã HP: XH13043	Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quản trị và quản trị công tác xã hội, những kiến thức và kỹ năng về quản trị áp dụng trong các tổ chức, đặc biệt trong các tổ chức xã hội, các cơ sở xã hội, các cơ sở cung ứng dịch vụ phục vụ nhân sinh. Những kỹ năng cốt lõi như kỹ năng ra quyết định trong quản trị, công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, lãnh đạo và truyền thông trong quản trị... được đặt trong bối cảnh cơ sở xã hội, phục vụ và cung cấp dịch vụ cho thân chủ. Sinh viên vận dụng được những kỹ năng của nhà quản trị công tác xã hội trong hoạt động trợ giúp thân chủ.
44	Công tác xã hội với trẻ em Child social work Mã HP: XH13044	Học phần Công tác xã hội với trẻ em cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trẻ em, hệ thống bảo vệ trẻ em và dịch vụ bảo vệ trẻ em. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về công tác xã hội với một số nhóm trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt, quản lý trường hợp với trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt, một số kỹ năng và kỹ thuật trong công tác xã hội với trẻ em.
45	Công tác xã hội trong bệnh viện Social work in hospital Mã HP: XH13045	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong bệnh viện bao gồm: những vấn đề chung về công tác xã hội trong bệnh viện như khái niệm, mục đích, đối tượng của công tác xã hội trong bệnh viện; vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc đạo đức của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện; pháp luật, chính sách và mô hình, dịch vụ công tác xã hội trong bệnh viện; Hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện; Một số nhóm đối tượng can thiệp trong bệnh viện và một số kỹ năng của nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện. Qua đó, sinh viên có ý thức trong việc trau dồi kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức để có thể trợ giúp các đối tượng của công tác xã hội trong bệnh viện.
46	Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy Case management with people using drugs/substances Mã HP: XH13046	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về QLTH với người sử dụng ma túy; vai trò, yêu cầu và nguyên tắc nghề nghiệp của nhân viên QLTH với người sử dụng ma túy; các hoạt động trợ giúp và quy trình quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy. Học phần cũng giúp người học có khả năng đánh giá được những nhu cầu người sử dụng ma túy; vận dụng quy trình QLTH và các kỹ năng cần thiết để hỗ trợ người sử dụng ma túy hòa nhập cộng đồng.
47	Công tác xã hội với người khuyết tật Social work with people with disability Mã HP: XH13047	Học phần cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về khuyết tật và người khuyết tật; Những đặc điểm tâm lý, sự kỳ thị và những rào cản của người khuyết tật; Pháp luật, chính sách và các mô hình dịch vụ trợ giúp người khuyết tật; các phương pháp và kỹ năng thực hành công tác xã hội với người khuyết tật.
48	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất Counseling on	Học phần trình bày quy trình tham vấn, một số kỹ năng, kỹ thuật cũng như hình thức tham vấn cho trẻ nghiện game, nghiện mạng xã hội, nghiện chất. Đồng thời đưa ra một số lưu ý trong quá trình tham vấn. Thực hành tham vấn tâm

	children with games, social network and substance addiction Mã HP: TL13048	lý cho một buổi tham vấn với trẻ nghiện game, nghiện mạng xã hội và nghiện chất, Sinh viên vận dụng các kỹ năng đã học vào việc phân tích ca cũng như tiến hành tham vấn cho từng đối tượng thuộc từng trường hợp cụ thể.
49	Công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích Social work with children with disaster and injury Mã HP: XH13049	Học phần này cung giúp sinh viên nhận diện các loại thiên tai và biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro trong thiên tai và nhiệm vụ của trẻ em; một số kỹ năng trong quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu cho trẻ em; tình hình tai nạn thương tích ở trẻ em trên thế giới và ở Việt Nam. Đồng thời, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về một số tai nạn thương tích xảy ra với trẻ em, từ đó vận dụng được phương pháp công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai và tai nạn thương tích.
50	Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân bị mua bán Social work with emigrants and trafficked victims Mã HP: XH13050	Học phần này cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về người di cư và nạn nhân của mua bán người; Các hình thức can thiệp để hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng, bao gồm hỗ trợ cá nhân, hỗ trợ nhóm và truyền thông cộng đồng. Cung cấp những nội dung và cách thức nhân viên công tác xã hội có thể vận dụng để giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tái hòa nhập cộng đồng.
51	Công tác xã hội với người nghèo Social work with the poor Mã HP: XH13051	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề nghèo, công tác xã hội với người nghèo; Hệ thống chính sách, dịch vụ xã hội đối với người nghèo; tiến trình CTXH với người nghèo; một số kỹ năng CTXH giúp tiếp cận với người nghèo trong tiến trình công tác xã hội với người nghèo.
52	Công tác xã hội với người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS Social work with people with/affected by HIV/AIDS Mã HP: XH15052	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về CTXH với người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS: kiến thức về HIV/AIDS, thực trạng HIV/AIDS hiện nay; đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; hệ thống chính sách pháp luật, các chương trình dự phòng, chương trình, mô hình hỗ trợ điều trị; vai trò và yêu cầu đối với nhân viên CTXH khi trợ giúp người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. Từ đó người học có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích về vấn đề kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; có ý thức tuân thủ những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; thực hành một số kỹ năng cần thiết trong trợ giúp người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS tái hòa nhập cộng đồng.
53	Tham vấn cho thanh thiếu niên sang chấn và khủng hoảng tâm lý Counseling on youth with psychological trauma and crisis Mã HP: TL13051	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sang chấn như: Biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của sang chấn ở trẻ em; Khủng hoảng và các giai đoạn khủng hoảng của trẻ em khi gặp sự kiện gây khủng hoảng. Nội dung chính của học phần là giúp người học thực hiện được cách thức và kỹ năng tham vấn cho trẻ em bị sang chấn và khủng hoảng.

54	Công tác xã hội với người cao tuổi Social work with the elderly Mã HP: XH12036	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về người cao tuổi cũng như thực trạng người cao tuổi trên Thế giới và Việt Nam, hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến người cao tuổi. Trên cơ sở đó, sinh viên hiểu được một số đặc điểm và các vấn đề của người cao tuổi, mô tả được các phương pháp trong hỗ trợ người cao tuổi. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng được các lý thuyết tiếp cận, kỹ năng, vai trò của nhân viên công tác xã hội vào việc vận hành các mô hình, các dịch vụ hỗ trợ người cao tuổi tại Việt Nam hiện nay.
55	CTXH với cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới Social work with homosexual, bisexual and transgender community Mã HP: XH15055	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về CTXH với người đồng tính, song tính và chuyển giới: kiến thức về người LGBT; đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người LGBT; hệ thống chính sách pháp luật, chương trình, mô hình hỗ trợ; vai trò và yêu cầu đối với nhân viên CTXH khi trợ giúp người LGBT. Từ đó người học có khả năng vận dụng kiến thức để phân tích về vấn đề kỳ thị, phân biệt đối xử với người LGBT; có ý thức tuân thủ những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; thực hành một số kỹ năng cần thiết trong trợ giúp người LGBT hòa nhập cộng đồng.
56	Thực hành Công tác xã hội cá nhân Social work with individual practicum Mã HP: XH13056	Trong học phần sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng và quy trình trong Công tác xã hội cá nhân để thực hành với một thân chủ tại cơ sở. Sinh viên tiếp cận, tìm hiểu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ một trường hợp cụ thể là cá nhân có vấn đề xã hội thông qua các giai đoạn của tiến trình công tác xã hội cá nhân: tiếp nhận thân chủ, thu thập thông tin và xác định vấn đề của thân chủ, xây dựng kế hoạch can thiệp, thực hiện kế hoạch, lượng giá và kết thúc.
57	Thực hành Công tác xã hội nhóm Group social work practicum Mã HP: XH13057	Thực hành Công tác xã hội nhóm là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống cộng đồng, các trường học, bệnh viện, trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm CTXH... để tập làm các công việc của một nhân viên xã hội đối với cá nhân thông qua kiến thức của CTXH nhóm trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức phương pháp CTXH nhóm để tác nghiệp với một nhóm thân chủ tại cơ sở. Tiếp cận, tìm hiểu và lên kế hoạch giải quyết vấn đề cho nhóm thân chủ thông qua các giai đoạn của quá trình giải quyết vấn đề đối với nhóm được quy định trong kiến thức của CTXH nhóm.
58	Thực hành phát triển cộng đồng Community development practicum Mã HP: XH13058	Thực hành Phát triển cộng đồng là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống cộng đồng: xã, phường, thôn xóm, khu phố, bản làng,... để tập làm các công việc của một nhân viên xã hội trong lĩnh vực phát triển cộng đồng ở trong một thời gian nhất định. Thực hành Phát triển cộng đồng cung cấp cho sinh viên những cơ hội để áp dụng những kiến thức được học vào quá trình tiếp cận, thâm nhập cộng đồng, tìm hiểu các vấn đề của cộng đồng, nhu cầu của cộng đồng và lên kế hoạch giải quyết các vấn đề của cộng đồng
59	Thực tập tốt nghiệp	Trong học phần này, người học vận dụng kiến thức về các

	Graduation internship Mã HP: XH14059	phương pháp và kỹ năng công tác xã hội cụ thể để thực tập nghề nghiệp tại các đơn vị, cơ sở, địa phương có hoạt động nghề công tác xã hội. Từ đó người học có thể tiếp cận với các vấn đề xã hội tại cơ sở, đồng thời trợ giúp thân chủ theo tiến trình tương ứng với các phương pháp/ lĩnh vực cụ thể.
60	Khoá luận tốt nghiệp Graduation thesis Mã HP: XH15060	Quá trình làm khoá luận tốt nghiệp được chia thành ba giai đoạn với các nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên phải thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Phần đầu sinh viên được hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng và phương pháp để triển khai viết khoá luận tốt nghiệp; phần thứ hai sinh viên trực tiếp tiến hành nghiên cứu một vấn đề cụ thể liên quan đến công tác xã hội; phần thứ ba sinh viên phải hoàn thiện báo cáo khoá luận tốt nghiệp và nộp về khoa.

11. Đánh giá và cải tiến chương trình dạy học

- Thời điểm ban hành Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo:
- + Ban hành Chương trình đào tạo lần đầu: 2012
- + Ban hành Chuẩn đầu ra lần đầu: 2016
- Số lần đã chỉnh sửa: 4
- + Chương trình đào tạo: 5
- + Chuẩn đầu ra: 4
- Thời điểm chỉnh sửa lần gần nhất: tháng 01/2020
- Các chương trình đào tạo được đối sánh trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa
- + Chương trình đào tạo Cử nhân ngành CTXH của Học viện Phụ nữ Việt Nam
- + Chương trình đào tạo Cử nhân ngành CTXH của Đại học Sư phạm Hà Nội
- + Chương trình đào tạo Cử nhân ngành CTXH của Đại học Công đoàn

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hải Đăng